

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA
PHẠM NGỌC THẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1003/QĐ-TĐHYKPNT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận trúng tuyển trình độ Thạc sĩ năm 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH

Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HĐT-TĐHYKPNT ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 5800/QĐ-TĐHYKPNT ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc thành lập Hội đồng Tuyển sinh Sau đại học năm 2022;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Tuyển sinh Sau đại học ngày 19 tháng 10 năm 2023;

Theo đề nghị của Hội đồng Tuyển sinh Sau đại học năm 2023 và Trưởng Phòng Quản lý đào tạo Sau Đại học tại Tờ trình số 514/TTr-QLĐTSDH ngày 23 tháng 10 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 128 thí sinh trúng tuyển trình độ Thạc sĩ thuộc 12 chuyên ngành (danh sách đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, Trưởng Khoa/Bộ môn, Trưởng các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giáo dục và đào tạo;
- Ban Giám hiệu;
- Phòng CNTT (để đăng web);
- Lưu: VT, P.QLĐTSDH (Ng_8b)



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. BS Nguyễn Thanh Hiệp

DANH SÁCH TRUNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2023

ĐỐI TƯỢNG: CAO HỌC

(Kèm Quyết định số 4003/QĐ-TĐHYKPNT, ngày 26 tháng 10 năm 2023.)

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
		NGÀNH: CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH (14)						
1	1	23.04.01.0001	Phạm Thảo	Ái	Nữ	22/07/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
2	2	23.04.01.0002	Đỗ Chí	Hoàng	Nam	20/07/1994	Tỉnh Đắk Lắk	
3	3	23.04.01.0003	Lê Hoàng	Huy	Nam	11/09/1999	Tỉnh Bình Phước	
4	4	23.04.01.0004	Nguyễn Trần Hoàng	Kha	Nam	06/04/1993	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	
5	5	23.04.01.0005	Trương Công Anh	Khoa	Nam	07/01/1997	Thành phố Đà Nẵng	
6	6	23.04.01.0006	Bùi Bình	Long	Nam	21/07/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
7	7	23.04.01.0007	Phan Lê Ngọc	Ngân	Nữ	27/02/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
8	8	23.04.01.0008	Trần Thanh	Son	Nam	12/02/1995	Tỉnh Bình Thuận	
9	9	23.04.01.0009	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	Nữ	14/04/1997	Tỉnh Khánh Hòa	
10	10	23.04.01.0010	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	27/03/1996	Tỉnh Lạng Sơn	
11	11	23.04.01.0011	Đặng Thị Phương	Thắm	Nữ	02/01/1998	Thành phố Đà Nẵng	
12	12	23.04.01.0012	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	23/04/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
13	13	23.04.01.0013	Biện Công	Tuấn	Nam	04/09/1993	Tỉnh Cà Mau	
14	14	23.04.01.0014	Đỗ Thanh	Tùng	Nam	24/11/1996	Tỉnh Đắk Lắk	
		NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG (11)						
15	1	23.04.04.0015	Vũ Thục	Anh	Nữ	03/08/1996	Tỉnh Đồng Nai	
16	2	23.04.04.0016	Trần Thị Cẩm	Duyên	Nữ	04/10/1996	Tỉnh Bến Tre	
17	3	23.04.04.0017	Trần Thị Hồng	Gấm	Nữ	13/04/1991	Tỉnh Long An	
18	4	23.04.04.0018	Dương Kim Ngọc	Hào	Nữ	31/07/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
19	5	23.04.04.0023	Nguyễn Hữu	Nhân	Nam	28/10/1982	Thành phố Hồ Chí Minh	
20	6	23.04.04.0025	Mạc Phùng	Phú	Nam	16/02/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
21	7	23.04.04.0027	Phùng Thị Diễm	Phúc	Nữ	24/11/1973	Thành phố Hồ Chí Minh	
22	8	23.04.04.0032	Bùi Thị	Thúy	Nữ	28/05/2000	Tỉnh Bình Phước	
23	9	23.04.04.0033	Phan Minh	Toàn	Nam	17/04/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
24	10	23.04.04.0034	Nguyễn Thị Kiều	Trang	Nữ	17/04/1989	Thành phố Hồ Chí Minh	
25	11	23.04.04.0035	Vũ Ngọc Thảo	Vy	Nữ	08/07/1986	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: KHOA HỌC Y SINH - GIẢI PHẪU (1)						
26	1	23.04.24.0211	Nguyễn Phi	Trình	Nam	20/03/1997	Tỉnh Quảng Ngãi	
		NGÀNH: NỘI KHOA (CHUYÊN NGÀNH DA LIỄU) (5)						
27	1	23.04.35.0220	Phạm Anh	Duy	Nam	01/03/1998	Tỉnh Cà Mau	
28	2	23.04.35.0229	Lương Kim	Khánh	Nữ	26/04/1995	Tỉnh Bình Thuận	
29	3	23.04.35.0231	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	12/11/1999	Tỉnh Bắc Giang	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
30	4	23.04.35.0243	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	30/07/1996	Tỉnh Đắk Lắk	
31	5	23.04.35.0247	Chung Lê Thùy	Vân	Nữ	07/01/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: NỘI TỔNG QUÁT (31)						
32	1	23.04.10.0069	Đặng Tiến	Anh	Nam	06/01/1998	Thành phố Cần Thơ	
33	2	23.04.10.0071	Phạm Thị Ngọc	Anh	Nữ	14/08/1996	Tỉnh Quảng Ngãi	
34	3	23.04.10.0072	Trần Thị Hải	Anh	Nữ	17/03/1995	Tỉnh Hải Dương	
35	4	23.04.10.0073	Phan Đình	Ân	Nam	23/02/1996	Tỉnh Quảng Nam- Đà Nẵng	
36	5	23.04.10.0074	Huỳnh Ngọc	Châu	Nữ	01/04/1997	Tỉnh Tiền Giang	
37	6	23.04.10.0078	Phan Ngọc	Duy	Nam	12/04/1997	Tỉnh Thừa Thiên Huế	
38	7	23.04.10.0079	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	04/03/1995	Tỉnh Bến Tre	
39	8	23.04.10.0081	Võ Thị Diễm	Hà	Nữ	07/09/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
40	9	23.04.10.0085	Nguyễn Hữu	Hoàng	Nam	27/07/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
41	10	23.04.10.0086	Lưu Đức	Huy	Nam	15/03/1998	Tỉnh Lâm Đồng	
42	11	23.04.10.0087	Mai	Huy	Nam	01/09/1987	Tỉnh Đồng Nai	
43	12	23.04.10.0088	Lương Trường	Khang	Nam	18/07/1994	Bình Định	
44	13	23.04.10.0089	Nguyễn Trịnh Thanh	Khải	Nam	19/07/1998	Tỉnh Quảng Ngãi	
45	14	23.04.10.0090	Lê Thị Cẩm	Khuyên	Nữ	11/12/1996	Tỉnh Bến Tre	
46	15	23.04.10.0100	Trần Thanh	Nguyệt	Nữ	01/01/1998	Tỉnh Kiên Giang	
47	16	23.04.10.0101	Nguyễn Huỳnh	Nhân	Nam	19/02/1998	Tỉnh Đồng Nai	
48	17	23.04.10.0103	Nguyễn Hoàng	Nhi	Nữ	26/09/1997	Tỉnh Khánh Hòa	
49	18	23.04.10.0105	Nguyễn Bùi Hoàng	Phong	Nam	09/08/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
50	19	23.04.10.0106	Nguyễn Hồng	Phúc	Nam	22/08/1993	Tỉnh An Giang	
51	20	23.04.10.0107	Kiều Nhật	Phương	Nam	02/03/1999	Tỉnh Phú Yên	
52	21	23.04.10.0111	Lê Hải	Thạch	Nam	04/11/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
53	22	23.04.10.0112	Đào Nguyễn	Thắng	Nam	15/07/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
54	23	23.04.10.0113	Đặng Phương	Thịnh	Nam	23/10/1995	Tỉnh Bình Thuận	
55	24	23.04.10.0115	Nguyễn Song	Toàn	Nam	15/06/1995	Tỉnh Kiên Giang	
56	25	23.04.10.0116	Huỳnh Thị Thanh	Trà	Nữ	02/10/1997	Tỉnh Lâm Đồng	
57	26	23.04.10.0118	Đình Quang Minh	Trí	Nam	01/01/1995	Đồng Nai	
58	27	23.04.10.0120	Nguyễn Huỳnh Thanh	Tuấn	Nam	29/06/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
59	28	23.04.10.0121	Trần Thanh	Tuyền	Nữ	06/06/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
60	29	23.04.10.0124	Lê Hữu Linh	Viễn	Nam	12/3/1995	Tỉnh Quảng Ngãi	
61	30	23.04.10.0125	Nguyễn Thới Linh	Vỹ	Nam	04/12/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
62	31	23.04.10.0127	Đậu Mộng Tú	Xương	Nam	08/12/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: NGOẠI TỔNG QUÁT (10)						
63	1	23.04.12.0128	Võ Thành	An	Nam	05/08/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
64	2	23.04.12.0129	Huỳnh Hoàng	Duy	Nam	02/01/1997	Tỉnh Bến Tre	
65	3	23.04.12.0130	Vũ Thái	Hoàng	Nam	24/07/1994	Tỉnh Lâm Đồng	
66	4	23.04.12.0131	Lê Thái	Hòa	Nam	13/11/1996	Nam Hà	
67	5	23.04.12.0132	Nguyễn Thụy Đông	Nghi	Nữ	05/04/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	

THÂN
TRUỒN
HỌC Y
AM NGỌC
IN ★

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
68	6	23.04.12.0133	Lê Như	Quỳnh	Nữ	10/11/1995	Tỉnh Long An	
69	7	23.04.12.0134	Trần Hữu	Tài	Nam	27/12/1999	Tỉnh Đồng Tháp	
70	8	23.04.12.0135	Lê Ngọc Minh	Trí	Nam	09/03/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	
71	9	23.04.12.0136	Lê Đức Anh	Tuấn	Nam	06/10/1997	Tỉnh Long An	
72	10	23.04.12.0137	Nguyễn Hoàng	Việt	Nam	03/02/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: NHÂN KHOA (9)						
73	1	23.04.08.0037	Võ Bình Giao	Hân	Nữ	15/02/1995	Tỉnh Bến Tre	
74	2	23.04.08.0038	Nguyễn Minh Bảo	Khánh	Nam	27/03/1996	Bình Dương	
75	3	23.04.08.0039	Võ Duy	Khiêm	Nam	21/04/1999	Tỉnh Quảng Ngãi	
76	4	23.04.08.0040	Nguyễn Trọng	Kim	Nam	12/07/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
77	5	23.04.08.0041	Lưu Thị Thùy	Linh	Nữ	26/11/1994	Tỉnh Đồng Nai	
78	6	23.04.08.0042	Phạm Hồng	Ngọc	Nữ	22/06/1995	Tỉnh Tiền Giang	
79	7	23.04.08.0044	Nguyễn Đỗ Quang	Thanh	Nam	03/03/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
80	8	23.04.08.0045	Nguyễn Phạm Thanh	Thi	Nam	07/08/1998	Tỉnh Đắk Lắk	
81	9	23.04.08.0046	Hồ Thị Thanh	Trúc	Nữ	16/01/1999	Tỉnh Bình Thuận	
		NGÀNH: NHI KHOA (5)						
82	1	23.04.09.0052	Nguyễn Thị Nhật	Hạ	Nữ	16/08/1999	Tỉnh Lâm Đồng	
83	2	23.04.09.0054	Trần Thị Xuân	Ngân	Nữ	20/10/1997	Tỉnh Long An	
84	3	23.04.09.0056	Lê Hồng	Ngọc	Nữ	02/09/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
85	4	23.04.09.0058	Vũ Thị	Nhung	Nữ	10/05/1999	Tỉnh Đắk Lắk	
86	5	23.04.09.0061	Trần Huỳnh Quế	Phương	Nữ	26/02/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: SẢN PHỤ KHOA (20)						
87	1	23.04.15.0138	Tổng Văn	Anh	Nữ	25/12/1992	Tỉnh Nam Định	
88	2	23.04.15.0139	Đào Hải	Bảo	Nam	18/06/1999	Tỉnh Tây Ninh	
89	3	23.04.15.0140	Thị Kim	Bích	Nữ	16/07/1997	Tỉnh Kiên Giang	
90	4	23.04.15.0142	Lục Thị Hồng	Hà	Nữ	20/08/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
91	5	23.04.15.0146	Lê Bảo	Huy	Nam	02/09/1996	Tỉnh Lâm Đồng	
92	6	23.04.15.0147	Lữ Bách	Huy	Nam	06/02/1994	Tỉnh Quảng Ngãi	
93	7	23.04.15.0148	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	23/06/1996	Tỉnh Hải Dương	
94	8	23.04.15.0152	Nguyễn Thị Thuý	Linh	Nữ	08/06/1997	Tỉnh Vĩnh Long	
95	9	23.04.15.0153	Quách Lan	Linh	Nữ	05/09/1996	Tỉnh An Giang	
96	10	23.04.15.0154	Trần Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	30/07/1997	Tỉnh Long An	
97	11	23.04.15.0158	Võ Ngọc Thu	Nga	Nữ	27/4/1992	Tỉnh Đồng Nai	
98	12	23.04.15.0159	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	22/10/1996	Tỉnh Long An	
99	13	23.04.15.0160	Đỗ Thị Hồng	Ngọc	Nữ	19/11/1997	Tỉnh Hà Nam	
100	14	23.04.15.0167	Trương Bích	Phượng	Nữ	10/06/1994	Tỉnh Bạc Liêu	
101	15	23.04.15.0172	Kiều Thị Thu	Thảo	Nữ	18/01/1995	Tỉnh Long An	
102	16	23.04.15.0173	Nguyễn Ngọc	Thuận	Nữ	18/07/1997	Tỉnh An Giang	
103	17	23.04.15.0174	Mai Thị	Thuý	Nữ	24/12/1997	Tỉnh Hải Dương	
104	18	23.04.15.0178	Lê Thị	Trang	Nữ	02/04/1997	Tỉnh Thanh Hóa	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
105	19	23.04.15.0180	Lê Cao Anh	Tuấn	Nam	08/05/1996	Tỉnh An Giang	
106	20	23.04.15.0186	Vũ Thanh	Vy	Nữ	29/01/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
NGÀNH: TAI – MŨI – HỌNG (10)								
107	1	23.04.16.0187	Phan Hữu	Đạt	Nam	15/10/1996	Tỉnh Tây Ninh	
108	2	23.04.16.0188	Nguyễn Phương	Hải	Nam	07/02/1996	Tỉnh Kiên Giang	
109	3	23.04.16.0190	Hà Thị Mỹ	Hòa	Nữ	12/11/1997	Tỉnh Khánh Hòa	
110	4	23.04.16.0191	Trần Hoàng	Minh	Nam	14/02/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
111	5	23.04.16.0192	Trần Thành	Nhân	Nam	10/06/1998	Tỉnh Trà Vinh	
112	6	23.04.16.0193	Trần Lê Đình	Phú	Nam	29/03/1993	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	
113	7	23.04.16.0194	Phạm Quăng	Thành	Nam	15/10/1995	Thành phố Cần Thơ	
114	8	23.04.16.0195	Nguyễn Hữu	Thuận	Nam	19/06/1996	Quảng Nam-Đà Nẵng	
115	9	23.04.16.0196	Bùi Ngọc Thảo	Tiên	Nữ	18/08/1998	Tỉnh Ninh Thuận	
116	10	23.04.16.0197	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	Nữ	13/07/1997	Tỉnh Bến Tre	
NGÀNH: Y HỌC GIA ĐÌNH (3)								
117	1	23.04.22.0198	Nguyễn Xuân	Hân	Nam	14/07/1998	Tỉnh Đồng Nai	
118	2	23.04.22.0200	Phạm Thị Ngọc	Như	Nữ	23/07/1993	Tỉnh Đồng Tháp	
119	3	23.04.22.0201	Huỳnh Quang	Sang	Nam	15/06/1994	Tỉnh Quảng Nam	
NGÀNH: Y TẾ CÔNG CỘNG (9)								
120	1	23.04.23.0202	Trần Xuân	An	Nam	29/04/1995	Tỉnh Ninh Bình	
121	2	23.04.23.0203	Nguyễn Thị Cẩm	Chi	Nữ	19/10/1996	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	
122	3	23.04.23.0204	Nguyễn Mạnh	Cường	Nam	21/08/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
123	4	23.04.23.0205	Nguyễn Thị Quỳnh	Giang	Nữ	01/08/1996	Tỉnh Quảng Ngãi	
124	5	23.04.23.0206	Bùi Ngọc	Huy	Nam	09/05/1999	Tỉnh Khánh Hòa	
125	6	23.04.23.0207	Nguyễn Anh	Minh	Nam	15/10/1992	Tỉnh Gia Lai	
126	7	23.04.23.0208	Võ Hồng Thiên	Ngọc	Nữ	29/06/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
127	8	23.04.23.0209	Trần Trọng	Nguyễn	Nam	12/04/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
128	9	23.04.23.0210	Huỳnh Yến	Như	Nữ	17/06/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	

Danh sách có 128 thí sinh trúng tuyển